

KẾT QUẢ THI TỐT NGHIỆP BÁC SỸ NỘI TRÚ NĂM 2025

TT	TT	MSHV	HỌ	TÊN	P	NGÀY SINH	ĐIỂM (Lý thuyết)	ĐIỂM (Ngoại ngữ)	ĐIỂM (Thực hành)	GHI CHÚ
1. CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH (14)										
1	1	22.03.01.0001	Trần Bình	An	Nam	06/12/1995	9.0	7.0	8.0	
2	2	22.03.01.0003	Đặng Thanh Tú	Anh	Nữ	24/11/1997	9.0	8.0	8.0	
3	3	22.03.01.0006	Nguyễn Đình Duy	Hậu	Nam	03/03/1998	9.5	8.0	8.5	
4	4	22.03.01.0009	Phạm Vũ Duy	Hung	Nam	19/09/1998	9.0	8.0	8.5	
5	5	22.03.01.0010	Nguyễn Duy	Khang	Nam	08/10/1998	9.0	7.5	8.5	
6	6	22.03.01.0011	Nguyễn Đăng	Khoa	Nam	18/05/1998	8.5	7.5	8.0	
7	7	22.03.01.0012	Nguyễn Thành	Khương	Nam	07/05/1997	9.0	7.5	7.5	
8	8	22.03.01.0014	Mai Anh	Minh	Nam	06/12/1998	9.0	7.0	7.5	
9	9	22.03.01.0017	Lữ Mỹ	Phụng	Nữ	23/03/1998	9.0	8.0	7.5	
10	10	22.03.01.0019	Trần Việt	Thắng	Nam	19/04/1998	9.0	7.0	8.0	
11	11	22.03.01.0024	Nguyễn Anh	Thư	Nữ	22/05/1998	9.0	7.5	8.0	
12	12	22.03.01.0027	Nhan Thiên	Tường	Nam	24/11/1998	9.5	8.0	8.5	
13	13	22.03.01.0028	Nguyễn Trần Nữ	Vương	Nữ	28/04/1998	9.0	8.0	8.0	
14	14	22.03.01.0029	Võ Đoàn Nhật	Vy	Nữ	22/10/1998	9.0	8.0	8.0	
2. DA LIỆU (6)										
15	1	22.03.03.0036	Nguyễn Đức	Dũng	Nam	20/01/1997	8.5	7.0	9.0	
16	2	22.03.03.0043	Nguyễn Thanh	Minh	Nam	24/04/1998	8.0	8.5	9.0	
17	3	22.03.03.0047	Lê Thảo	Phúc	Nữ	15/03/1998	8.5	9.0	9.0	
18	4	22.03.03.0055	Nguyễn Tấn Chương	Thy	Nam	17/10/1997	7.0	9.0	9.0	
19	5	22.03.03.0057	Vũ Bảo	Trân	Nữ	15/11/1996	8.0	8.0	9.0	
20	6	22.03.03.0059	Lâm Thanh	Xuân	Nữ	08/03/1998	8.0	8.0	9.5	
3. NHÃN KHOA (10)										
21	1	22.03.08.0061	Trần Gia	Chính	Nam	26/11/1998	9.0	8.0	8.5	

TT	TT	MSHV	HỌ	TÊN	P	NGÀY SINH	ĐIỂM (Lý thuyết)	ĐIỂM (Ngoại ngữ)	ĐIỂM (Thực hành)	GHI CHÚ
22	2	22.03.08 .0064	Dương Nguyễn Hồng	Hải	Nữ	07/08/1998	9.0	8.0	8.5	
23	3	22.03.08 .0065	Vũ Thị Mai	Hương	Nữ	24/07/1997	8.5	7.0	8.5	
24	4	22.03.08 .0066	Lê Hương Xuân	Nghi	Nữ	04/07/1998	8.5	7.5	8.0	
25	5	22.03.08 .0067	Huỳnh Trọng	Phát	Nam	31/10/1998	9.0	7.5	7.5	
26	6	22.03.08 .0069	Tôn Thất Hoàng	Quân	Nam	28/05/1997	9.0	8.5	8.5	
27	7	22.03.08 .0071	Trịnh Thị Hồng	Thúy	Nữ	08/02/1998	9.0	8.5	7.5	
28	8	22.03.08 .0072	Trần Lê Thảo	Tiên	Nữ	31/07/1997	9.0	8.5	8.0	
29	9	22.03.08 .0073	Hoàng Thanh	Trang	Nữ	07/03/1998	9.0	8.5	8.5	
30	10	22.03.08 .0074	Huỳnh Hồng	Ý	Nữ	23/04/1998	8.5	8.5	8.5	
4. NHI KHOA (14)										
31	1	22.03.09 .0084	Đồng Thị Thuý	Dung	Nữ	09/01/1998	9.0	7.5	8.5	
32	2	22.03.09 .0085	Huỳnh Hoàng	Duy	Nam	11/01/1997	7.0	5.0	8.0	
33	3	22.03.09 .0090	Ngô Thị Thu	Hiền	Nữ	14/07/1996	8.5	8.0	8.5	
34	4	22.03.09 .0095	Nguyễn Minh	Hùng	Nam	02/03/1998	9.0	7.5	8.5	
35	5	22.03.09 .0096	Bùi Thị Mai	Hương	Nữ	21/11/1997	8.5	7.0	8.5	
36	6	22.03.09 .0098	Trần Quang	Khôi	Nam	01/10/1998	9.0	8.5	8.5	
37	7	22.03.09 .0100	Võ Châu	Long	Nam	29/08/1998	8.5	8.0	8.5	
38	8	22.03.09 .0101	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	Nữ	07/10/1998	9.0	9.0	9.0	
39	9	22.03.09 .0110	Nguyễn Mẫn	Nhi	Nữ	16/12/1998	8.5	9.0	8.5	
40	10	22.03.09 .0112	Nguyễn Phạm Quỳnh	Như	Nữ	06/02/1997	8.5	8.5	8.5	
41	11	22.03.09 .0121	Hồ Thị Thanh	Thảo	Nữ	07/11/1998	8.5	7.0	8.5	
42	12	22.03.09 .0123	Võ Minh	Thắng	Nam	07/05/1998	8.5	7.5	8.5	
43	13	22.03.09 .0125	Nguyễn Tiến	Thịnh	Nam	11/02/1998	9.0	8.0	8.0	
44	14	22.03.09 .0128	Châu Hồng	Thương	Nữ	16/08/1998	8.0	7.5	8.5	
5. NỘI KHOA (22)										
45	1	22.03.10 .0135	Lê	An	Nữ	16/02/1998	8.5	7.5	7.0	
46	2	22.03.10 .0138	Nguyễn Thị	Bình	Nữ	04/10/1997	9.0	8.0	7.0	

TT	TT	MSHV	HỌ	TÊN	P	NGÀY SINH	ĐIỂM (Lý thuyết)	ĐIỂM (Ngoại ngữ)	ĐIỂM (Thực hành)	GHI CHÚ
47	3	22.03.10.0140	Phan Thị Minh	Châu	Nữ	19/03/1997	9.0	8.0	7.0	
48	4	22.03.10.0143	Nguyễn Thị Thuý	Duy	Nữ	06/07/1998	9.0	7.0	8.5	
49	5	22.03.10.0146	Nguyễn Mạnh	Đức	Nam	17/06/1998	8.0	7.0	7.0	
50	6	22.03.10.0148	Trần Huy Minh	Hằng	Nữ	22/05/1998	7.5	8.0	7.5	
51	7	22.03.10.0151	Lê	Hoàn	Nam	16/02/1998	8.0	7.5	7.5	
52	8	22.03.10.0152	Trần Văn	Hoàng	Nam	02/05/1998	8.5	8.0	7.5	
53	9	22.03.10.0153	Trần Vũ Thái	Huy	Nam	09/05/1998	8.5	7.5	7.0	
54	10	22.03.10.0158	Võ Quốc	Khánh	Nam	02/09/1998	8.0	7.0	7.0	
55	11	22.03.10.0162	Trần Phúc	Lộc	Nam	17/01/1998	9.0	7.5	7.5	
56	12	22.03.10.0169	Nguyễn Y Như	Ngọc	Nữ	02/01/1998	9.0	9.0	8.5	
57	13	22.03.10.0171	Trịnh Thị Phương	Nhi	Nữ	17/07/1998	8.0	8.0	7.0	
58	14	22.03.10.0174	Hà Thị Ngọc	Phượng	Nữ	29/08/1998	8.5	8.0	7.0	
59	15	22.03.10.0176	Phan Minh	Quang	Nam	20/05/1998	8.0	8.5	7.5	
60	16	22.03.10.0178	Nguyễn Lực	Sĩ	Nam	12/05/1998	8.0	8.0	7.5	
61	17	22.03.10.0179	Huỳnh Đông Lam	Sơn	Nam	19/01/1997	8.5	7.0	8.0	
62	18	22.03.10.0185	Dương Minh	Thông	Nam	22/01/1998	8.5	7.5	8.0	
63	19	22.03.10.0189	Nguyễn Minh	Tiến	Nam	07/01/1998	8.0	8.0	7.5	
64	20	22.03.10.0191	Nguyễn Võ Anh	Tiến	Nam	22/12/1998	9.0	7.5	7.5	
65	21	22.03.10.0192	Vũ Đức	Tín	Nam	13/03/1998	9.0	8.5	7.5	
66	22	22.03.10.0199	Trần Hà	Uyên	Nữ	13/04/1998	8.5	9.0	7.0	
6. NGOẠI KHOA (12)										
67	1	22.03.12.0203	Nguyễn Hữu	Chánh	Nam	14/04/1998	8.0	8.0	8.0	
68	2	22.03.12.0205	Lê Nguyễn Hải	Đặng	Nam	14/06/1997	8.0	7.5	8.5	
69	3	22.03.12.0207	Trần Lê Thanh	Đức	Nam	11/04/1998	7.0	7.5	9.0	
70	4	22.03.12.0209	Nguyễn Văn	Đức	Nam	28/07/1997	7.0	7.5	8.0	
71	5	22.03.12.0210	Trương Trung	Hải	Nam	26/09/1998	7.0	8.0	9.0	
72	6	22.03.12.0211	Nguyễn Sĩ Duy	Kha	Nam	01/01/1998	7.0	8.0	8.5	

TT	TT	MSHV	HỌ	TÊN	P	NGÀY SINH	ĐIỂM (Lý thuyết)	ĐIỂM (Ngoại ngữ)	ĐIỂM (Thực hành)	GHI CHÚ
73	7	22.03.12 .0214	Đỗ	Khiêm	Nam	16/12/1998	8.0	7.5	8.5	
74	8	22.03.12 .0216	Nguyễn Hiếu	Kiên	Nam	18/06/1998	8.0	7.0	8.0	
75	9	22.03.12 .0217	Nguyễn Duy Tuấn	Kiệt	Nam	26/02/1998	7.5	7.0	8.0	
76	10	22.03.12 .0228	Bùi Thanh	Phước	Nam	06/08/1998	7.5	8.5	8.5	
77	11	22.03.12 .0230	Phạm Nguyễn Hải	Thạch	Nam	21/02/1996	7.5	8.0	9.0	
78	12	22.03.12 .0232	Sử Trần	Tiến	Nam	07/12/1997	7.5	8.5	8.5	
7. SẢN PHỤ KHOA (15)										
79	1	22.03.15 .0240	Nguyễn Ngọc	Cẩm	Nữ	08/11/1997	9.0	8.0	7.5	
80	2	22.03.15 .0246	Nguyễn Hoàng	Duy	Nam	17/08/1998	9.0	8.0	7.0	
81	3	22.03.15 .0248	Nguyễn Thị Kim	Hà	Nữ	21/12/1998	9.5	7.0	8.5	
82	4	22.03.15 .0250	Huỳnh Thị Ngọc	Hân	Nữ	26/02/1998	9.0	7.0	7.5	
83	5	22.03.15 .0251	Trang Vĩ	Hùng	Nam	07/01/1998	8.5	8.0	8.0	
84	6	22.03.15 .0253	Lưu Bình Bảo	Lộc	Nam	17/05/1998	9.0	7.5	8.5	
85	7	22.03.15 .0257	Trần Thị Bích	Ngọc	Nữ	21/08/1998	9.0	7.5	8.0	
86	8	22.03.15 .0259	Nguyễn Ngọc Thanh	Nhi	Nữ	10/05/1998	9.0	9.0	8.0	
87	9	22.03.15 .0260	Trần Thị Kiều	Nhi	Nữ	05/10/1998	9.0	8.5	8.5	
88	10	22.03.15 .0261	Phạm Huỳnh Yến	Nhi	Nữ	10/01/1998	9.0	7.5	8.5	
89	11	22.03.15 .0266	Trần Kim	Phượng	Nữ	20/10/1998	9.0	7.0	7.0	
90	12	22.03.15 .0268	Trần Đại	Thắng	Nam	03/07/1998	9.0	8.0	8.5	
91	13	22.03.15 .0270	Nguyễn Thị Phương	Thùy	Nữ	11/02/1997	8.5	8.0	8.0	
92	14	22.03.15 .0272	Phạm Thị	Thương	Nữ	27/10/1998	9.0	7.0	8.5	
93	15	22.03.15 .0278	Nguyễn Hải	Yên	Nữ	19/07/1998	8.5	7.0	7.0	
8. TẠI MŨI HỌNG (9)										
94	1	22.03.16 .0283	Nguyễn Phi Kim	Hòa	Nữ	21/03/1997	8.0	7.0	8.0	
95	2	22.03.16 .0286	Lê Mạnh	Hùng	Nam	24/11/1998	8.5	7.5	7.5	
96	3	22.03.16 .0289	Huỳnh Lê Hoàng	Kim	Nữ	09/01/1998	8.5	8.0	8.5	
97	4	22.03.16 .0290	Trương Thanh	Lâm	Nam	16/08/1998	9.0	8.0	8.0	

TT	TT	MSHV	HỌ	TÊN	P	NGÀY SINH	ĐIỂM (Lý thuyết)	ĐIỂM (Ngoại ngữ)	ĐIỂM (Thực hành)	GHI CHÚ
98	5	22.03.16 .0295	Ngô Hoàng	Phúc	Nam	28/12/1998	9.0	8.5	8.0	
99	6	22.03.16 .0297	Lê Thị Anh	Thư	Nữ	29/01/1998	8.5	8.5	8.5	
100	7	22.03.16 .0300	Nguyễn Bảo	Trân	Nữ	15/06/1998	9.0	9.0	8.5	
101	8	22.03.16 .0302	Nguyễn Sơn	Tùng	Nam	23/03/1998	9.5	8.0	8.5	
102	9	22.03.16 .0304	Bạch Võ Thiên	Vân	Nữ	05/03/1997	9.0	8.5	8.5	
9. TRUYỀN NHIỆM (6)										
103	1	22.03.19 .0306	Ngô Tuấn	Hoàng	Nam	25/11/1998	8.5	7.5	7.0	
104	2	22.03.19 .0307	Trần Thị Mai	Linh	Nữ	19/04/1998	8.5	8.0	7.5	
105	3	22.03.19 .0310	Lữ Nguyên	Phát	Nam	05/11/1998	8.5	8.0	8.0	
106	4	22.03.19 .0311	Trần Vinh	Phong	Nam	17/11/1998	8.5	8.0	7.0	
107	5	22.03.19 .0313	Hồ Nguyễn Ngọc	Phương	Nữ	15/02/1998	8.5	7.0	7.5	
108	6	22.03.19 .0314	Nguyễn Lê Bảo	Trâm	Nữ	30/12/1998	8.0	8.5	7.0	
10. UNG BƯỚU (5)										
109	1	22.03.20 .0317	Lương Trung	Hiệp	Nam	28/08/1998	7.0	7.5	7.0	
110	2	22.03.20 .0318	Lê Bùi An	Huy	Nam	02/04/1998	7.5	7.5	7.5	
111	3	22.03.20 .0320	Cao Tuyết	Nga	Nữ	26/12/1998	8.0	7.5	8.0	
112	4	22.03.20 .0321	Vũ Gia	Nghi	Nữ	23/07/1998	8.0	8.0	8.5	
113	5	22.03.20 .0323	Đặng Quỳnh	Như	Nữ	24/03/1998	8.5	8.0	7.5	

Danh sách gồm 113 học viên.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 12 năm 2025


TM. HỘI ĐỒNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA
PHÓ CHỦ TỊCH
PGS. TS. DS Nguyễn Đăng Thoại
KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG PHỤ TRÁCH

